

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2012 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Đình Anh	Chủ tịch
Bà Chu Thị Thanh Hà	Phó Chủ tịch
Ông Trương Gia Bình	Thành viên
Ông Lê Quang Tiến	Thành viên
Ông Lê Huy Chí	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên
Ông Bùi Quang Ngọc	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2012)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Khoa	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2012)
Bà Chu Thị Thanh Hà	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2012)
Ông Thang Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2012)
Ông Phạm Thành Đức	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2012)
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2012)
Bà Vũ Thị Mai Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Văn Khoa
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 8 năm 2012

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: **Các Cổ đông**
 Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 4 đến trang 24. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 09 tháng 8 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Quang Trung
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0733/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.255.504.438.024	1.213.451.052.215
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	541.334.201.937	725.753.901.755
1. Tiền	111		108.946.161.108	94.780.404.999
2. Các khoản tương đương tiền	112		432.388.040.829	630.973.496.756
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.000.000.000	18.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4.000.000.000	18.000.000.000
III. Phải thu ngắn hạn	130		447.440.553.200	311.824.665.102
1. Phải thu khách hàng	131		444.013.763.352	331.343.323.995
2. Trả trước cho người bán	132		66.677.040.588	37.749.007.159
3. Các khoản phải thu khác	135		15.969.663.615	6.956.265.275
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(79.219.914.355)	(64.223.931.327)
IV. Hàng tồn kho	140	5	165.064.127.528	63.913.389.066
1. Hàng tồn kho	141		165.064.127.528	63.913.389.066
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		97.665.555.359	93.959.096.292
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		38.956.270.867	33.830.266.744
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		36.137.938.176	28.112.600.511
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		11.666.949.876	28.766.142.557
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		10.904.396.440	3.250.086.480
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260+269)	200		1.216.108.491.529	1.205.146.040.300
I. Tài sản cố định	220		1.045.881.014.193	1.024.231.504.457
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	824.052.925.599	846.963.617.017
- Nguyên giá	222		1.936.529.866.578	1.838.903.829.181
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.112.476.940.979)	(991.940.212.164)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	163.799.259.798	164.535.985.485
- Nguyên giá	228		227.312.787.500	220.402.085.511
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(63.513.527.702)	(55.866.100.026)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	58.028.828.796	12.731.901.955
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6.000.000.000	6.000.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		6.000.000.000	6.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		153.141.602.398	163.135.793.721
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		115.466.559.363	117.095.215.740
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		34.310.971.604	42.692.471.245
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.364.071.431	3.348.106.736
IV. Lợi thế thương mại	269		11.085.874.938	11.778.742.122
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.471.612.929.553	2.418.597.092.515

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		889.818.880.284	1.235.282.703.365
I. Nợ ngắn hạn	310		888.133.901.768	1.233.700.411.149
1. Phải trả người bán	312		299.185.888.360	224.534.575.804
2. Người mua trả tiền trước	313		75.149.132.926	30.609.642.509
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	49.517.997.465	76.727.168.251
4. Phải trả người lao động	315		119.798.050	39.928.682.559
5. Chi phí phải trả	316		238.858.053.845	164.132.627.071
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11	46.781.333.513	446.035.157.378
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	12	26.331.187.687	80.843.714.478
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		152.190.509.922	170.888.843.099
II. Nợ dài hạn	330		1.684.978.516	1.582.292.216
1. Phải trả dài hạn khác	333		265.241.000	100.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.419.737.516	1.482.292.216
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		1.437.645.249.807	1.088.561.436.316
I. Vốn cổ đông	410	13	1.437.645.249.807	1.088.561.436.316
1. Vốn điều lệ	411		997.015.350.000	997.015.350.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.261.938.154	7.383.565.272
3. Cổ phiếu quỹ	414		(82.770.000)	(1.482.080.000)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		433.450.731.653	85.644.601.044
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	13	144.148.799.462	94.752.952.834
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		2.471.612.929.553	2.418.597.092.515
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			30/06/2012	31/12/2011
Ngoại tệ các loại (USD)			1.731.372	1.390.918

Nguyễn Văn Khoa
 Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 8 năm 2012

Đỗ Thị Hương
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.232.024.281.388	1.557.860.214.612
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.545.894.200	2.322.072.304
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	15	2.230.478.387.188	1.555.538.142.308
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	1.332.807.939.454	773.232.567.373
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		897.670.447.734	782.305.574.935
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	31.916.594.750	28.077.138.327
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	18	1.569.945.882	21.255.450.610
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	3.526.074.211
8. Chi phí bán hàng	24		88.372.753.055	77.016.773.064
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		359.230.942.731	330.162.752.777
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		480.413.400.816	381.947.736.811
11. Thu nhập khác	31		1.371.379.016	6.862.003.698
12. Chi phí khác	32		1.416.094.238	7.440.429.750
13. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40=31-32)	40		(44.715.222)	(578.426.052)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		480.368.685.594	381.369.310.759
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	78.307.356.547	80.005.408.998
16. Chi phí/(Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52	20	8.381.499.639	(38.283.831)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		393.679.829.408	301.402.185.592
17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		45.400.052.293	84.661.396.191
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty	62		348.279.777.115	216.740.789.401
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	3.498	2.190

Nguyễn Văn Khoa
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 8 năm 2012

Đỗ Thị Hương
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
		đến 30/6/2012	đến 30/6/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	480.368.685.594	381.369.310.759
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	134.632.023.334	118.798.692.399
- Các khoản dự phòng	03	14.995.983.028	15.194.770.465
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	06	(29.784.688.033)	(24.739.631.811)
- Chi phí lãi vay	07	-	3.526.074.211
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	600.212.003.923	494.149.216.023
- Biến động các khoản phải thu	09	(150.611.871.126)	(44.246.440.553)
- Biến động hàng tồn kho	10	(101.150.738.462)	27.975.661.868
- Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	83.932.173.495	(112.789.671.326)
- Biến động chi phí trả trước và tài sản khác	12	(2.093.767.383)	(6.544.792.781)
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(3.526.074.211)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(116.733.509.170)	(62.299.327.383)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.465.180.000	2.046.620.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	317.019.471.277	294.765.191.637
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(149.833.666.227)	(63.127.109.240)
2. Tiền thu hồi cho vay của đơn vị khác	24	14.000.000.000	36.454.899.604
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	31.208.493.132	26.096.117.600
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(104.625.173.095)	(576.092.036)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ của công ty	31	1.399.310.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các cổ đông, mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	32	-	(416.670.000)
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(71.130.389.755)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(398.213.308.000)	(141.245.218.995)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(396.813.998.000)	(212.792.278.750)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(184.419.699.818)	81.396.820.851
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	725.753.901.755	152.589.123.255
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	541.334.201.937	233.985.944.106

Nguyễn Văn Khoa
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 8 năm 2012

Đỗ Thị Hương
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101778163 ngày 05 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, sửa đổi lần thứ 15 của Giấy đăng ký kinh doanh số 0103008784 ngày 28 tháng 7 năm 2005.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 30/6/2012 là 4.414 (tại ngày 31/12/2011: 3.668).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, tên miền và lưu trữ dữ liệu, quảng cáo trực tuyến, trò chơi trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty mẹ và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS11 - Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư ngắn hạn, dài hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	(Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	3 - 8
Thiết bị quản lý	3 - 6
Phương tiện vận tải	6
Tài sản khác	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy vi tính, giấy phép và quyền khai thác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	(Số năm)
Phần mềm máy vi tính	3 - 5
Giấy phép	3
Quyền khai thác đường truyền internet tốc độ cao - dự án Asia America Gateway ("AAG")	15

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu dịch vụ viễn thông

Doanh thu cung cấp dịch vụ viễn thông được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian mà các dịch vụ thực tế được cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu từ bán thẻ internet và thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành.

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian quảng cáo ghi trong hợp đồng.

Thuê hoạt động

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong kỳ.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận khi có các khoản đã được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ nhưng chưa thực tế chưa chi trả trong kỳ này.

Chi phí phải trả của công ty chủ yếu bao gồm chi phí hạ ngầm cáp viễn thông, chi phí thuê kênh, chi phí thuê cột điện, và chi phí thuê hạ tầng...

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi hàng năm được trích lập không vượt quá 10% lợi nhuận thuần sau thuế và phụ thuộc vào phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	5.191.706.129	3.801.362.950
Tiền gửi ngân hàng	103.754.454.979	90.979.042.049
Các khoản tương đương tiền (*)	432.388.040.829	630.973.496.756
	<u>541.334.201.937</u>	<u>725.753.901.755</u>

(*) Trong đó bao gồm số tiền Công ty Cổ phần Viễn thông FPT chuyển tiền về tài khoản tập trung của Công ty Cổ phần FPT. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012, số dư của khoản tiền chuyển về tài khoản tập trung là 371.088.999.036 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 555.029.143.193 VND). Khoản tiền này được hưởng lãi suất 9%/năm dựa trên số dư và số ngày gửi tiền trong tài khoản tập trung. Công ty có thể rút về sử dụng bất cứ khi nào có nhu cầu và không có rủi ro khi chuyển đổi thành tiền.

5. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	5.157.135.274
Nguyên vật liệu tồn kho	53.308.665.860	-
Công cụ, dụng cụ	6.342.861.140	3.312.437.280
Hàng hóa mua để bán	105.412.600.528	55.443.816.512
	<u>165.064.127.528</u>	<u>63.913.389.066</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>165.064.127.528</u>	<u>63.913.389.066</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012
đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	54.478.210.939	1.199.134.718.765	41.731.664.646	536.013.485.239	7.545.749.592	1.838.903.829.181
Tăng trong kỳ	-	41.097.000.167	-	63.495.776.612	165.853.398	104.758.630.177
Tăng do mua sắm	-	41.097.000.167	-	63.495.776.612	165.853.398	104.758.630.177
Giảm trong kỳ	-	6.443.082.943	-	689.509.837	-	7.132.592.780
Thanh lý, nhượng bán	-	6.443.082.943	-	689.509.837	-	7.132.592.780
Tại ngày 30/6/2012	54.478.210.939	1.233.788.635.989	41.731.664.646	598.819.752.014	7.711.602.990	1.936.529.866.578
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	9.684.177.071	610.027.146.194	15.938.220.975	354.858.491.223	1.432.176.701	991.940.212.164
Tăng trong kỳ	1.639.671.119	91.130.819.423	1.011.248.601	32.259.568.912	237.660.358	126.278.968.413
Khấu hao trong kỳ	1.639.671.119	91.130.819.423	1.011.248.601	32.259.568.912	237.660.358	126.278.968.413
Giảm trong kỳ	-	5.052.729.761	-	689.509.837	-	5.742.239.598
Thanh lý, nhượng bán	-	5.052.729.761	-	689.509.837	-	5.742.239.598
Tại ngày 30/6/2012	11.323.848.190	696.105.235.856	16.949.469.576	386.428.550.298	1.669.837.059	1.112.476.940.979
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2012	43.154.362.749	537.683.400.133	24.782.195.070	212.391.201.716	6.041.765.931	824.052.925.599
Tại ngày 31/12/2011	44.794.033.868	589.107.572.571	25.793.443.671	181.154.994.016	6.113.572.891	846.963.617.017

Tại ngày 30/6/2012, nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị khoảng 434.481 triệu VND (31/12/2011: khoảng 432.920 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Giấy phép và quyền khai thác VND</u>	<u>Phần mềm máy vi tính VND</u>	<u>Tổng cộng VND</u>
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	211.898.367.808	8.503.717.703	220.402.085.511
Tăng trong kỳ	-	6.956.913.967	6.956.913.967
Giảm trong kỳ	-	46.211.978	46.211.978
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	46.211.978	46.211.978
Tại ngày 30/6/2012	<u>211.898.367.808</u>	<u>15.414.419.692</u>	<u>227.312.787.500</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	51.143.076.183	4.723.023.843	55.866.100.026
Tăng trong kỳ	275.707.146	7.384.480.591	7.660.187.737
Khấu hao trong kỳ	275.707.146	7.384.480.591	7.660.187.737
Giảm trong kỳ	-	12.760.061	12.760.061
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	12.760.061	12.760.061
Tại ngày 30/6/2012	<u>51.418.783.329</u>	<u>12.094.744.373</u>	<u>63.513.527.702</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2012	<u>160.479.584.479</u>	<u>3.319.675.319</u>	<u>163.799.259.798</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>160.755.291.625</u>	<u>3.780.693.860</u>	<u>164.535.985.485</u>

8. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

	<u>30/6/2012 VND</u>	<u>31/12/2011 VND</u>
Dự án tòa nhà FPT Telecom Tân Thuận	38.296.516.310	6.507.561.955
Dự án Đường trục Bắc Nam	15.365.900.137	-
Khác	4.366.412.349	6.224.340.000
	<u>58.028.828.796</u>	<u>12.731.901.955</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPTTầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012
đến ngày 30/6/2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30/06/2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (FOC)	408 Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	57,04%	Cung cấp dịch vụ Game online
Công ty TNHH Một thành viên Viễn Thông FPT Tân Thuận	Lô 37 - 39A, đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	100%	Cung cấp dịch vụ internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác
Công ty TNHH Viễn thông Quốc tế FPT (FTI)	Tầng 1, phòng G6, tòa nhà Etown, số 2,364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	100%	Cung cấp dịch vụ internet, đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông và các dịch vụ khác
Công ty TNHH MTV Giải pháp phần mềm doanh nghiệp FPT (FPTSS)	153 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	100%	Sản xuất phần mềm

Theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 31/12/ 2011, Công ty TNHH Viễn thông Miền Bắc (FTN), Công ty TNHH Viễn thông Miền Trung (FTM), Công ty TNHH Viễn thông Miền Nam (FTS) và các chi nhánh trực thuộc các công ty này sẽ chấm dứt hoạt động từ ngày 31/12/2011 và các công ty này được sáp nhập vào Công ty Cổ phần Viễn thông FPT.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	12.552.014.093	9.414.248.988
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	935.619.757	633.683.946
Thuế xuất, nhập khẩu	348.489	13.454.831
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.211.585.745	62.633.758.653
Các loại thuế khác	1.818.429.381	4.032.021.833
	49.517.997.465	76.727.168.251

11. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Cổ tức phải trả	-	398.213.308.000
Nhận tiền góp vốn xây tòa nhà văn phòng tại KCX Tân Thuận từ FTG	35.526.960.000	35.526.960.000
Phải trả khác	11.254.373.513	12.294.889.378
	46.781.333.513	446.035.157.378

12. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Trong năm 2011, Ban Giám đốc Công ty đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 10% lợi nhuận sau thuế với số tiền tương ứng là: 73.622.563.388 VND (bao gồm cả Công ty và Công ty con) theo Điều lệ của Công ty và công ty con. Số quỹ khen thưởng phúc lợi tạm trích năm 2011 đã được Đại hội đồng Cổ đông công ty mẹ và công ty con phê duyệt trong năm 2012. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty chưa tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012
đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. VỐN CỔ ĐÔNG**Thay đổi trong vốn cổ đông**

	Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng	Lợi ích của cổ đông thiểu số		Tổng cộng
	Vốn điều lệ VND	VND		VND	VND		VND	VND	
Số dư tại ngày 01/01/2012	831.067.620.000	7.570.250.399	(919.000.000)	357.710.336.521	1.195.429.206.920	64.504.667.963	1.259.933.874.883		
Phát hành cổ phiếu	6.416.330.000	-	-	-	6.416.330.000	17.926.550.000	24.342.880.000		
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	582.050.997.486	582.050.997.486	84.661.396.191	666.712.393.677		
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(563.080.000)	-	(563.080.000)	(222.640.000)	(785.720.000)		
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(65.599.359.376)	(65.599.359.376)	(8.023.204.012)	(73.622.563.388)		
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	159.531.400.000	-	-	(159.531.400.000)	-	(10.461.460.000)	(10.461.460.000)		
Chia cổ tức	-	-	-	(628.644.258.395)	(628.644.258.395)	(54.766.989.600)	(683.411.247.995)		
Ảnh hưởng do thay đổi vốn cổ đông	-	(186.685.127)	-	(443.044.160)	(629.729.287)	1.327.100.463	697.371.176		
Biến động khác	-	-	-	101.328.968	101.328.968	(192.468.171)	(91.139.203)		
Số dư tại ngày 01/01/2012	997.015.350.000	7.383.565.272	(1.482.080.000)	85.644.601.044	1.088.561.436.316	94.752.952.834	1.183.314.389.150		
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	18.287.960.000	18.287.960.000		
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	348.279.777.115	348.279.777.115	45.400.052.293	393.679.829.408		
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	1.399.310.000	-	1.399.310.000	38.270.000	1.437.580.000		
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	(14.822.780.000)	(14.822.780.000)		
Ảnh hưởng do thay đổi vốn cổ đông	-	(121.627.118)	-	(370.717.217)	(492.344.335)	492.344.335	-		
Biến động khác	-	-	-	(102.929.289)	(102.929.289)	-	(102.929.289)		
Số dư tại ngày 30/6/2012	997.015.350.000	7.261.938.154	(82.770.000)	433.450.731.653	1.437.645.249.807	144.148.799.462	1.581.794.049.269		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. VỐN CỔ ĐÔNG (Tiếp theo)

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đã mua lại 25.253 cổ phiếu ưu đãi của cán bộ công nhân viên nghỉ việc theo Điều lệ của Công ty và phát hành 165.184 cổ phiếu ưu đãi cho cán bộ công nhân viên từ nguồn cổ phiếu quỹ.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 997.015.350.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp tại ngày			
			30/6/2012		31/12/2011	
	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%
1. Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước - Ông Trương Gia Bình đại diện	50.009.343	50,15%	50.009.343	50,15%	50.009.343	50,15%
2. Công ty Cổ phần FPT - Ông Lê Quang Tiến đại diện	40.305.935	40,43%	40.305.935	40,43%	40.305.935	40,43%
3. Các cổ đông khác	9.386.257	9,42%	9.377.980	9,41%	9.238.049	9,27%
	99.701.535	100,00%	99.693.258	99,99%	99.553.327	99,85%
Cổ phiếu quỹ			8.277	0,01%	148.208	0,15%
	99.701.535	100%	99.701.535	100%	99.701.535	100%

14. CỔ TỨC

Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 30 tháng 3 năm 2012 phê duyệt việc trả cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 với số tiền là 497.774.444.000 VND, tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt là 5.000VND/cổ phiếu (trong đó phần đã tạm ứng trong năm 2011 là 1.000 VND/1 cổ phiếu tương đương 99.561.136.000 VND và số tạm ứng trong năm 2012 là 4.000 VND/1 cổ phiếu tương đương 398.213.308.000 VND).

15. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.232.024.281.388	1.557.860.244.612
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	49.313.290.194	5.088.359.973
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.182.710.991.194	1.552.771.884.639
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.545.894.200)	(2.322.102.304)
<i>Hàng bán trả lại</i>	<i>1.545.894.200</i>	<i>2.322.102.304</i>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.230.478.387.188	1.555.538.142.308

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	49.231.963.715	5.538.466.686
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.283.575.975.739	767.694.100.687
	1.332.807.939.454	773.232.567.373

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, đầu tư trái phiếu	31.613.960.941	26.096.117.600
Lãi chênh lệch tỷ giá	300.429.635	1.979.403.179
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.204.174	1.617.548
	31.916.594.750	28.077.138.327

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	3.526.074.211
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	854.749.308	17.688.987.400
Chi phí hoạt động tài chính khác	715.196.574	40.388.999
	1.569.945.882	21.255.450.610

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Hàng hóa	658.111.996.056	325.347.947.431
Chi phí nhân công	242.277.606.235	221.800.506.707
Chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí phân bổ	153.126.961.921	143.348.894.875
Chi phí dịch vụ mua ngoài	651.864.700.175	395.134.525.978
Các chi phí khác	75.030.370.853	94.780.218.223
	1.780.411.635.240	1.180.412.093.214

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	480.368.685.594	381.369.310.759
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ</i>		
- Doanh thu chưa thực hiện chuyển sang	(145.802.253.229)	(86.271.367.629)
- Giá vốn tương ứng doanh thu chưa thực hiện chuyển sang	6.775.355.726	-
- Chuyển lỗ	(6.581.596.603)	-
<i>Cộng</i>		
- Chi phí không được khấu trừ	1.689.470.607	692.585.564
- Doanh thu đã phát hành hóa đơn nhưng chưa thực hiện	130.665.463.292	87.512.040.704
- Giá vốn tương ứng doanh thu chưa thực hiện	(25.164.564.346)	-
- Khoản điều chỉnh khác (i)	10.055.660.392	7.052.293.137
Thu nhập chịu thuế	452.006.221.433	390.354.862.535
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (ii)	10% và 25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	109.003.605.688	97.588.715.634
Trừ: Thuế thu nhập được giảm trừ (iii)	(30.696.249.141)	(17.583.306.636)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	78.307.356.547	80.005.408.998
Thuế thu nhập hoãn lại (iv)	8.381.499.639	(38.283.831)
	86.688.856.186	79.967.125.167

- (i) Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận chịu thuế khác là lợi nhuận chưa thực hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất phát sinh bởi các giao dịch mua bán nội bộ giữa Công ty và công ty con và lỗ trước thuế của các công ty con.
- (ii) Công ty TNHH MTV Giải pháp phần mềm doanh nghiệp FPT có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất bằng 10% lợi nhuận chịu thuế. Công ty và các công ty con khác có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất bằng 25% lợi nhuận chịu thuế.
- (iii) Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trừ là khoản ưu đãi giảm 50% thuế TNDN tại Công ty Cổ phần Viễn thông FPT Tân Thuận (Dự án Tân Thuận), Công ty TNHH MTV Giải pháp phần mềm doanh nghiệp FPT và Công ty Cổ phần Phần mềm Trực tuyến FPT.
- (iv) Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại và tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chênh lệch tạm thời được khấu trừ thể hiện các khoản doanh thu chưa thực hiện ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho mục đích kế toán nhưng đã bao gồm trong doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho kỳ hiện tại.

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, cụ thể như sau:

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	348.279.777.115	216.740.789.401
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	99.569.874	98.954.628
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.498	2.190

22. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Các khoản cam kết thuê hoạt động

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	20.089.747.625	30.954.646.056
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	83.029.388.504	89.821.505.341
Sau năm năm	18.355.228.500	19.013.557.500
	<u>121.474.364.629</u>	<u>139.789.708.897</u>

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	541.334.201.937	725.753.901.755
Phải thu khách hàng và phải thu khác	375.776.904.816	274.075.657.943
Đầu tư ngắn hạn	4.000.000.000	18.000.000.000
Đầu tư dài hạn	6.000.000.000	6.000.000.000
Tài sản tài chính khác	14.268.467.871	6.598.193.216
Tổng cộng	<u>941.379.574.624</u>	<u>1.030.427.752.914</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	305.960.953.777	635.042.773.182
Chi phí phải trả	238.858.053.845	164.132.627.071
Công nợ tài chính khác	265.241.000	100.000.000
Tổng cộng	<u>545.084.248.622</u>	<u>799.275.400.253</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2012	31/12/2011	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	47.034.580.437	82.869.149.788	48.875.349.543	36.803.916.913

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPTTầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012
đến ngày 30/6/2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

30/6/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	305.960.953.777	-	305.960.953.777
Chi phí phải trả	238.858.053.845	-	238.858.053.845
Công nợ tài chính khác	-	265.241.000	265.241.000
31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	635.042.773.182	-	635.042.773.182
Chi phí phải trả	164.132.627.071	-	164.132.627.071
Công nợ tài chính khác	-	100.000.000	100.000.000

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải thu khách hàng và phải thu khác	369.513.981.392	6.262.923.424	375.776.904.816
Đầu tư ngắn hạn	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Tài sản tài chính khác	10.904.396.440	3.364.071.431	14.268.467.871
31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải thu khách hàng và phải thu khác	267.182.063.343	6.893.594.600	274.075.657.943
Đầu tư ngắn hạn	18.000.000.000	-	18.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Tài sản tài chính khác	3.250.086.480	3.348.106.736	6.598.193.216

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Công ty Cổ phần FPT - Công ty mẹ		
Chia cổ tức bằng tiền	-	65.733.705.445
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.973.084.651	470.740.365
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	18.261.691.570	9.276.519.178
Các công ty liên quan		
Công ty TNHH Phần mềm FPT (FSO)		
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	5.197.135.376	-
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT (FIS)		
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	28.059.795.866	30.117.374.554

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư trọng yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu
 Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012
 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản tương đương tiền		
Gửi tiền vào tài khoản tập trung của Công ty Cổ phần FPT	371.088.999.036	555.029.143.193
Công nợ phải thu		
Công ty Cổ phần FPT - Các khoản cho vay ngắn hạn (từ 1 đến dưới 12 tháng)	-	14.000.000.000
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	362.884.500	104.590.420
Công ty TNHH Phần mềm FPT	91.080.000	169.767.809
Phải trả		
	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần FPT- Hàng hóa dịch vụ	15.940.622.786	662.052.604
Công ty Cổ phần FPT - Cổ tức phải trả	-	161.223.740.000
Công ty TNHH Phân phối FPT	368.115.000	125.908.200
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	17.897.915.835	1.405.576.894
Công ty TNHH Phần mềm FPT	7.047.148.576	4.911.737.857
Công ty TNHH Bán lẻ FPT	136.046.000	11.368.000

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu của báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được soát xét cho mục đích hợp nhất của tập đoàn FPT.

Nguyễn Văn Khoa
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 8 năm 2012

Đỗ Thị Hương
Kế toán trưởng